

Số: **79** /TBHH-CVHHNA

Nghệ An, ngày **27** tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số Kỹ thuật vùng nước trước bến số 5 cảng Cửa Lò

Vùng biển: **Nghệ An**

Tên luồng: **Cửa Lò**

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét văn bản đề nghị số 1326/CV ngày 22/01/2026 của công ty TNHH cảng Cửa Lò.

Cảng vụ Hàng hải Nghệ An thông báo thông số kỹ thuật vùng nước trước bến số 5 cảng Cửa Lò, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Vùng nước trước bến số 5:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
NV7	18°49'53.8"	105°42'51.7"	18°49'50.2"	105°42'58.4"
NV8'	18°49'55.0"	105°42'53.1"	18°49'51.4"	105°42'59.8"
NV13'	18°49'55.3"	105°42'42.7"	18°49'51.7"	105°42'49.4"
NV14	18°49'54.0"	105°42'42.6"	18°49'50.4"	105°42'49.3"

Độ sâu đạt: 7.2m (bảy mét hai).

Lưu ý:

- Dải cạn có độ sâu từ 5.8m đến 7.1m, tại khu vực góc điểm NV7, NV8' khu vực rộng nhất dọc theo mép cảng lấn vào vùng nước khoảng 40m

- Dải cạn có độ sâu từ 7.0m đến 7.1m, dài khoảng 10m dọc theo mép cảng, cách điểm góc hạ lưu NV14' khoảng 20m.

2. Vùng nước chuyển tiếp:



2.1. Vùng nước tiếp giáp vùng nước trước bến số 5:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
NV8	18°49'55.1"	105°42'51.8"	18°49'51.4"	105°42'58.5"
NV10'	18°49'59.0"	105°42'51.9"	18°49'55.4"	105°42'58.5"
NV11	18°49'59.1"	105°42'50.5"	18°49'55.5"	105°42'57.2"
NV12	18°49'57.7"	105°42'42.7"	18°49'54.1"	105°42'49.4"
NV13'	18°49'55.3"	105°42'42.7"	18°49'51.7"	105°42'49.3"

Độ sâu đạt: 6.9m (sáu mét chín).

2.2. Vùng nước phía hạ lưu vùng nước trước bến số 5:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
NV8'	18°49'55.0"	105°42'53.1"	18°49'51.4"	105°42'59.8"
NV9	18°49'58.6"	105°42'57.0"	18°49'55.0"	105°43'03.7"
NV10	18°49'58.9"	105°42'54.5"	18°49'55.3"	105°43'01.2"
NV10'	18°49'59.0"	105°42'51.9"	18°49'55.4"	105°42'58.5"
NV8	18°49'55.1"	105°42'51.8"	18°49'51.4"	105°42'58.5"

Độ sâu đạt: 3.0m (ba mét không).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 2.2m đến 2.9m, có chiều dài khoảng 25m từ vị trí cách điểm NV8' khoảng 15m về phía Đông Bắc đến vị trí cách điểm NV8' khoảng 52m về phía Đông Bắc, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 22m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy hoạt động trên vùng nước trước bến số 5 cảng Cửa Lò lưu ý độ sâu thông báo và các giải cạn nói trên.

Ghi chú: Truy cập bản tin Thông báo hàng hải trên trang
<https://cangvuhanghainghean.gov.vn>

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (b/cáo);
- Các cảng vụ Hàng hải;
- Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Bộ Tư lệnh Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc;
- Bảo đảm an toàn hàng hải Bắc Trung Bộ;
- Chi nhánh Hoa tiêu VI;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Giám đốc (b/cáo);
- Đài Thông tin duyên hải Bến Thủy (th/hiện);
- ĐD Cửa Lò, ĐD Thanh Chương (th/hiện);
- Phòng AT-ANHH; VTS Cửa Lò (th/hiện);
- Công ty TNHH cảng Cửa Lò;
- Website Cảng vụ hàng hải Nghệ An;
- Lưu VT, QLKCHT.

GIÁM ĐỐC



Võ Duy Thắng

